

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ 2 - MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10

NĂM HỌC 2024 - 2025

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

A. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

Phần I. 12 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn.

Phần II. 2 câu chọn Đúng/Sai (mỗi câu 4 yêu cầu).

Phần III.

- 4 câu tính và điền kết quả: Tính tỉ lệ gia tăng dân số, cơ cấu dân số, tỉ trọng dân số, mật độ dân số, GNI/người, GDP/người, quy mô GDP, cơ cấu GDP, tốc độ tăng dân số/GDP/GNI,...

- 4 câu điền khuyết.

B. Tự luận (3,0 điểm)

- Vẽ biểu đồ: cột, đường.

- Nhận xét và giải thích.

B. NỘI DUNG

Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới

Câu 1. Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới?

***Phần trả lời:**

- Đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới:

+) Từ khoảng giữa thế kỉ XX, số dân thế giới tăng rất nhanh (Bùng nổ dân số), nhưng gần đây đã tăng chậm lại).

+) Năm 2020 số dân thế giới đạt khoảng 7,8 tỉ người.

+) Tuy nhiên, ở các khu vực, các quốc gia, số dân có sự biến động khác nhau.

+) Dân số tập trung chủ yếu ở các nước đang phát triển.

Câu 2. Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư); trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.

***Phần trả lời:**

- Dưới đây là bảng phân biệt giữa gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (Xuất cư, nhập cư):

Gia tăng dân số	Tự nhiên	Cơ học
-----------------	----------	--------

Đặc điểm	Là gia tăng dân số do hai nhân tố sinh đẻ và tử vong quyết định, thể hiện qua tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.	Gồm hai bộ phận là xuất cư và nhập cư. Tỉ suất gia tăng dân số cơ học là hiệu số giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư.
Ý nghĩa	Động lực của phát triển dân số, dân số tăng hay giảm phụ thuộc vào gia tăng dân số tự nhiên.	Không làm thay đổi số dân trên toàn thế giới nhưng đối với từng quốc gia, khu vực thì nó có thể làm thay đổi số dân và tác động quan trọng tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Khái niệm gia tăng dân số thực tế:

+) Là tổng của gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học (đơn vị tính là %)

+) <Là thước đo phản ánh đầy đủ về sự gia tăng dân số>

- Các nhân tố tác động đến gia tăng dân số:

+) Điều kiện tự nhiên và môi trường sống:

-) Điều kiện tự nhiên và môi trường sống thuận lợi góp phần tăng mức nhập cư và ngược lại.

-) Thiên tai, dịch bệnh làm tăng mức tử vong, mức xuất cư.

+) Điều kiện kinh tế - xã hội:

-) Nhìn chung, trình độ phát triển kinh tế và mức sống cao làm giảm mức sinh, mức xuất cư và ngược lại.

-) Tập quán, tâm lí xã hội, cơ cấu tuổi và giới tính tác động đến mức sinh, mức tử vong.

-) Chính sách về dân số ảnh hưởng đến mức sinh, mức di cư.

Câu 3. Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới tính), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hóa).

***Phần trả lời:**

- Cơ cấu sinh học:

Cơ cấu dân số theo giới tính	Cơ cấu dân số theo tuổi
<ul style="list-style-type: none"> - Biểu thị bằng tỉ lệ giới tính (tỉ lệ giới nam và giới nữ trong tổng số dân) hoặc tỉ số giới tính (100 nữ thì tương ứng có bao nhiêu nam). - Thay đổi theo thời gian và khác nhau giữa các nước, các khu vực, phụ thuộc vào tình trạng chiến tranh, phát triển kinh tế, quan niệm xã hội,... - Tác động tới phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu thị tỉ lệ dân số theo những nhóm tuổi nhất định trong tổng số dân. Các nhóm tuổi có thể được phân theo khoảng cách đều nhau. - Thể hiện tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia. - Có thể biểu hiện bằng biểu đồ, gọi là tháp dân số (hay tháp tuổi) với 3 dạng: tháp hình tam giác, hình chum, hình quả chuông.

- *Cơ cấu xã hội*: Có nhiều cách phân chia, trong đó quan trọng nhất là phân chia theo trình độ văn hóa và lao động.

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa	Cơ cấu dân số theo lao động
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư, thường thể hiện qua tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên. - Là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng dân số của một khu vực, một quốc gia. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu thị tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong tổng nguồn lao động xã hội. - Có thể phân chia nguồn lao động thành 2 nhóm: Dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế hoặc phân chia số lao động hoạt động trong ba khu vực kinh tế.

Câu 4. So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu.

***Phần trả lời:**

- Một số loại tháp dân số tiêu biểu là: Tháp hình tam giác, tháp hình chum, tháp hình quả chuông, ...

+) Tháp hình tam giác: Đáy rộng, đỉnh tháp nhọn.

+) Tháp hình chum: Đáy hẹp, đỉnh và thân tháp mở rộng.

+) Tháp hình quả chuông: Đáy thu hẹp, thân và đỉnh bắt đầu mở rộng.

Câu 5. Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.

***Phần trả lời:**

- Gia tăng dân số quá nhanh, thậm chí bùng nổ dân số, xảy ra khi có sự chênh lệch lớn giữa tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử. Khi số người sinh ra nhiều hơn số người mất đi, dân số sẽ tăng trưởng. Ví dụ như ở các quốc gia như Ấn Độ hoặc Nigeria, dân số vẫn tăng nhanh mặc dù đã có những nỗ lực giảm tỷ lệ sinh. Điều này là do tỷ lệ tử giảm mạnh nhờ vào sự cải thiện trong y tế và điều kiện sống.

- Giai đoạn phát triển của thế giới, đặc biệt là trong các nước công nghiệp hóa, là thời điểm dân số tăng nhanh nhất. Khi điều kiện sống của con người được cải thiện, tuổi thọ tăng lên, trong khi tỷ lệ sinh vẫn duy trì ở mức cao, thậm chí có thể tăng thêm. Đây là lý do chính dẫn đến sự gia tăng dân số. Có thể lấy ví dụ như trong suốt thế kỷ XX, các quốc gia châu Âu như Đức và Anh đã trải qua giai đoạn tăng dân số mạnh mẽ nhờ vào sự phát triển y tế và cải thiện điều kiện sống. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ lệ sinh của các quốc gia này đã giảm xuống, nhưng dân số vẫn duy trì sự ổn định do tuổi thọ tăng cao.

Bài 20. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới

Câu 1. Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.

***Phần trả lời:**

- *Nhân tố tự nhiên:* Tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây trở ngại cho sự cư trú của con người. Nhìn chung, những khu vực có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú, môi trường thiên nhiên thuận lợi là các khu vực có dân cư sinh sống đông đúc và ngược lại.

- *Nhân tố kinh tế - xã hội:*

+) Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định việc phân bố dân cư làm cho phân bố dân cư chuyển từ tự phát sang tự giác. Sự phân bố dân cư phụ thuộc chặt chẽ vào tính chất của nền kinh tế. Nói chung, những khu vực dân cư đông đúc thường gắn với các hoạt động công nghiệp, dịch vụ.

+) Những khu vực được khai thác lâu đời thường có dân cư đông đúc hơn những khu vực mới khai thác.

+) Di cư có tác động tới sự phân bố dân cư thế giới. Trong lịch sử, các luồng di dân lớn có thể làm thay đổi tỉ trọng dân số của cả một châu lục.

Câu 2. Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

***Phản trả lời:**

- Khái niệm: Đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh về số lượng và quy mô của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung dân cư trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

- Các nhân tố tác động đến đô thị hóa:

Nhân tố tự nhiên	Nhân tố kinh tế - xã hội
<p>- Các đặc điểm tự nhiên như quỹ đất, địa hình, nguồn nước, tài nguyên khoáng sản,... tạo thuận lợi hay khó khăn cho đô thị hoá.</p> <p>- Tuy nhiên, các nhân tố tự nhiên không phải là nhân tố quyết định đô thị hoá.</p>	<p>- Sự phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển công nghiệp gắn với khoa học - công nghệ có tác động đặc biệt quan trọng tới đô thị hoá. Công nghiệp hoá và đô thị hoá là hai quá trình song hành và hỗ trợ nhau cùng phát triển.</p> <p>- Lối sống, mức thu nhập, trình độ văn hoá, nghề nghiệp,... đều có tác động đến quá trình đô thị hoá.</p> <p>- Chính sách phát triển đô thị được đề ra xuất phát từ những hoàn cảnh cụ thể về tự nhiên, kinh tế - xã hội,... của quốc gia, của vùng và được ban hành bởi các chính sách về quy hoạch đô thị. Đây là nhân tố quyết định hướng phát triển đô thị trong tương lai.</p>

- Ảnh hưởng đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường:

	Ảnh hưởng tích cực	Ảnh hưởng tiêu cực
--	--------------------	--------------------

Về kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng quy mô và tỉ lệ lao động ở các khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. - Thay đổi cơ cấu nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế. - Tăng năng suất lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cả ở đô thị thường cao. - Tăng sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn.
Về xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo thêm nhiều việc làm mới. - Phổ biến lối sống thành thị, tạo điều kiện tiếp cận nhiều thiết bị văn minh trong đời sống. - Nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp của một bộ phận dân cư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo áp lực về nhà ở, việc làm, hạ tầng đô thị. - Nguy cơ gia tăng tệ nạn xã hội.
Về môi trường	Mở rộng và phát triển không gian đô thị, hình thành môi trường đô thị, cơ sở hạ tầng hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống.	Đô thị hóa tự phát thường dẫn đến môi trường bị ô nhiễm, giao thông tắc nghẽn.

Câu 3. Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số, xử lí số liệu.

***Phản trả lời:**

Lấy ví dụ về bài sau:

Cho bảng số liệu:

Tổng dân số và cơ cấu dân số theo thành thị, nông thôn giai đoạn 1950 – 2020

Năm		1950	1970	2000	2020
Tổng dân số (Tỉ người)		2,5	3,7	6,2	7,8
Cơ cấu (%)	Thành thị	0,7	1,4	46,7	56,2
	Nông thôn	70,4	63,4	53,3	43,8

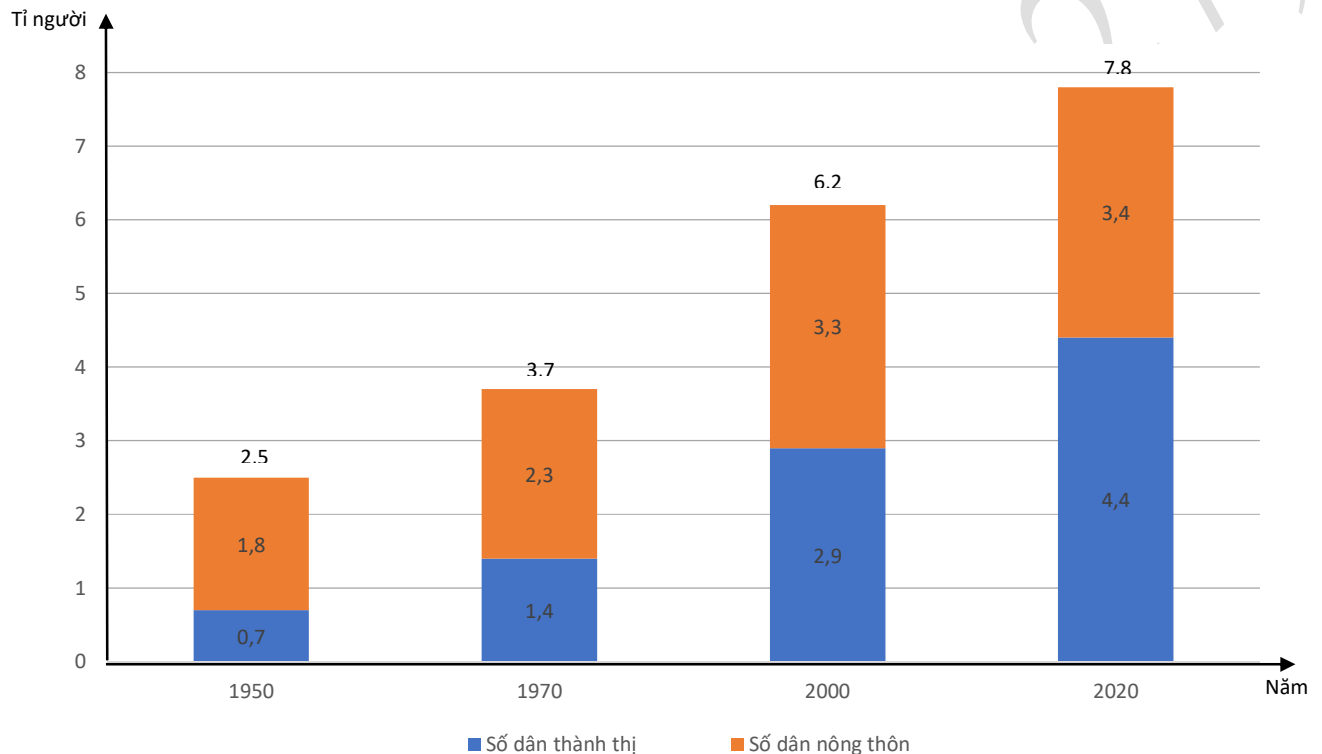
a) Tính số dân thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1950 – 2020:

BẢNG THỂ HIỆN SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN THẾ GIỚI

GIAI ĐOẠN 1950 – 2020

Năm	1950	1970	2000	2020
Số dân thành thị	0,7	1,4	2,9	4,4
Số dân nông thôn	1,8	2,3	3,3	3,4

b) Vẽ biểu đồ thể hiện số dân thế giới giai đoạn 1950 – 2020.



(Trên thực tế thì vẽ thêm cột số dân thế giới là 2 cột màu chồng lên nhau, đồng thời kích thước chiều rộng cột ở phần chú thích phải giống cột ở biểu đồ thật, khoảng cách giữa các cột trên biểu đồ cũng phải rõ (Kiểu cách 20 năm khác với cách 30 năm)).

c) Rút ra nhận xét và giải thích.

***KHÁI QUÁT:**

Số dân thế giới và cơ cấu dân số theo thành thị - nông thôn có sự thay đổi rõ rệt trong giai đoạn 1950 – 2020.

***QUY MÔ DÂN SỐ (Tỉ người):**

- Tổng số dân thế giới tăng nhanh: Năm 1950: 2,5 tỉ người → Năm 2020: 7,8 tỉ người; tăng 5,3 tỉ người, tăng gấp > 3 lần trong 70 năm, cho thấy tốc độ gia tăng dân số thế giới nhanh.

- Tốc độ gia tăng dân số giảm dần:

+) Giai đoạn 1950 – 1970: Dân số tăng từ 2,5 tỉ → 3,7 tỉ (Tăng 1,2 tỉ trong 20 năm).

+) Giai đoạn 1970 – 2000: Dân số tăng từ 3,7 tỉ → 6,2 tỉ (Tăng 2,5 tỉ trong 30 năm).

+) Giai đoạn 2000 – 2020: Dân số tăng từ 6,2 tỉ → 7,8 tỉ (tăng 1,6 tỉ trong 20 năm) → Mặc dù dân số vẫn tăng, nhưng tốc độ tăng có xu hướng chậm lại.

- Số dân thành thị tăng mạnh hơn số dân nông thôn:

+) Số dân thành thị năm 1950: 0,7 tỉ người → Năm 2020: 4,4 tỉ người (gấp hơn 6 lần).

+) Số dân nông thôn chỉ tăng từ 1,8 tỉ lên 3,4 tỉ, mức tăng thấp hơn nhiều (1,9 lần).

Đặc biệt năm 2000: 3,3 tỉ người → Năm 2020: 3,4 tỉ người, tăng rất ít, xu hướng tăng chậm lại.

***CƠ CẤU DÂN SỐ (%):**

- Tỷ lệ dân số thành thị năm 1950 – 1970 luôn thấp hơn tỷ lệ dân nông thôn, từ 2000 đã vượt tỷ lệ dân nông thôn. Nhìn chung từ 1950 – 2020 đã tăng 26,6%.

- Tỷ lệ dân nông thôn lại ngược lại.

⇒ Điều này đã phản ánh quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Bài 21. Các nguồn lực phát triển kinh tế

Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế.

***Phần trả lời:**

- Khái niệm: Nguồn lực phát triển kinh tế của một lãnh thổ là sức mạnh tổng hợp được tích lũy từ vị trí địa lý, lịch sử - văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động, các tài sản hiện có và tiềm năng của những tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm cả nguồn lực từ bên ngoài có thể huy động nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của lãnh thổ đó.

- Phân loại các nguồn lực:

Nguồn lực bên trong lãnh thổ	Nguồn lực từ bên ngoài lãnh thổ
<ul style="list-style-type: none">- Vị trí địa lí (Vị trí tự nhiên, kinh tế, chính trị)- Nguồn lực tự nhiên (đất, nước, khí hậu, sinh vật, khoáng sản, biển, ...)- Nguồn lực kinh tế - xã hội (vốn, chính sách phát triển, lịch sử - văn hóa, nguồn lao động, thị trường, ...)	<ul style="list-style-type: none">- Vốn đầu tư nước ngoài- Nguồn nhân lực nước ngoài- Thị trường nước ngoài- Khoa học – công nghệ nước ngoài, ...

- Vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế:

+) Vị trí địa lí có thể tạo điều kiện thuận lợi hay gây khó khăn trong việc trao đổi, hợp tác cùng phát triển giữa các lãnh thổ, đặc biệt trong xu thế hội nhập của nền kinh tế.

+) Nguồn lực tự nhiên là yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ giúp phát triển kinh tế. Sự giàu có và đa dạng về tài nguyên thiên nhiên tạo lợi thế quan trọng cho sự phát triển.

+) Nguồn lực kinh tế - xã hội đóng vai trò trực tiếp và vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một lãnh thổ: Nguồn lao động là nguồn lực có vai trò quyết định trong sự phát triển của nền kinh tế. Nguồn lao động đông đảo, có chất lượng cao là nền tảng vững chắc để chuyển dịch nền kinh tế sang kinh tế tri thức, định hướng phát triển bền vững. Vốn đầu tư, chính sách và khoa học - công nghệ,... tạo ra môi trường sản xuất hiện đại, linh hoạt giúp tăng năng suất lao động.

+) Các nguồn lực từ bên ngoài lãnh thổ: việc tận dụng, thu hút vốn đầu tư, nguồn nhân lực, tri thức và sản phẩm khoa học - công nghệ, thị trường từ bên ngoài lãnh thổ,... sẽ tạo thêm sức mạnh cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt trong thời kì kinh tế tri thức và các xu hướng hợp tác hoá, quốc tế hoá ngày càng mở rộng.

→ Mỗi nguồn lực có vai trò nhất định đối với phát triển kinh tế. Ở mỗi ngành, mỗi giai đoạn phát triển, các nguồn lực có mức độ tác động đến phát triển kinh tế khác nhau. Việc kết hợp giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực từ bên ngoài một cách hợp lí, sẽ giúp phát triển kinh tế của một lãnh thổ diễn ra nhanh và bền vững.

Bài 22. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia

Câu 1. Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.

***Phần trả lời:**

- *Khái niệm:* Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành.

- *Phân loại:*

Cơ cấu kinh tế có thể phân thành: Cơ cấu theo ngành, cơ cấu theo thành phần kinh tế và cơ cấu theo lãnh thổ.

Loại cơ cấu	Cơ cấu theo ngành	Cơ cấu theo thành phần kinh tế	Cơ cấu theo lãnh thổ
Thành phần	<ul style="list-style-type: none">- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.- Công nghiệp và xây dựng- Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none">- Khu vực kinh tế trong nước (kinh tế Nhà nước, kinh tế ngoài Nhà nước).- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none">- Vùng kinh tế- Tiểu vùng kinh tế- Khu kinh tế.....
Ý nghĩa	Cơ cấu theo ngành là bộ phận cơ bản nhất trong cơ cấu kinh tế. Cơ cấu theo ngành biểu thị tỉ trọng, vị trí của các ngành và mối quan hệ giữa các ngành trong nền kinh tế. Cơ cấu theo ngành phản ánh trình độ phát triển (khoa học – công nghệ, lực lượng sản xuất, ...) của nền sản xuất xã hội.	Cơ cấu theo thành phần kinh tế cho biết sự tồn tại của các thành phần tham gia hoạt động kinh tế. Cơ cấu theo thành phần kinh tế phản ánh khả năng khai thác năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế. Vị thế của các thành phần kinh tế có sự thay đổi ở các giai đoạn khác nhau.	Cơ cấu theo lãnh thổ cho biết mối quan hệ của các bộ phận lãnh thổ hợp thành nền kinh tế. Cơ cấu theo lãnh thổ phản ánh trình độ phát triển, thế mạnh đặc thù của mỗi lãnh thổ.

Câu 2. So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người.

***Phần trả lời:**

- So sánh giữa GDP và GNI:

Đặc điểm	GDP	GNI
Khái niệm	Là tổng giá trị (theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi lãnh thổ quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm).	Là tổng giá trị (theo giá cả thị trường) của tất cả các sản phẩm và dịch vụ cuối cùng do tất cả công dân của một quốc gia tạo ra trong một năm.
Đối tượng đóng góp	Các thành phần kinh tế đóng góp vào GDP gồm cả thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài hoạt động tại quốc gia đó.	Công dân của một quốc gia có thể tạo ra các giá trị ở cả trong và ngoài lãnh thổ quốc gia đó.
Đo lường	GDP được tạo ra bởi các thành phần kinh tế hoạt động trong lãnh thổ quốc gia ở một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm).	Chỉ số GNI đo lường tổng giá trị mà công dân mang quốc tịch nước đó sản xuất ra trong thời gian (thường là 1 năm).
Ý nghĩa	Chỉ số GDP được dùng để phân tích quy mô, cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng và sức mạnh kinh tế của một quốc gia.	GNI dùng để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia một cách đầy đủ và đúng thực lực.

Lưu ý

- GDP lớn hơn GNI: Đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam rất lớn, tạo ra giá trị lớn hơn người Việt Nam tạo ra.
- GDP nhỏ hơn GNI: Đầu tư của nước ngoài nhỏ, người Việt Nam đầu tư ra nước ngoài nhiều và tạo ra giá trị lớn.

Câu 3. Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.

***Phần trả lời:**

- Để đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương, có thể sử dụng một số tiêu chí cơ bản sau:

+) **Tốc độ tăng trưởng GDP địa phương:** Đây là chỉ số phản ánh mức độ tăng trưởng của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Một tốc độ tăng trưởng GDP cao cho thấy nền kinh tế địa phương đang phát triển mạnh mẽ.

+) **Cơ cấu ngành nghề:** Cơ cấu kinh tế địa phương có sự chuyển dịch giữa các ngành (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ). Sự chuyển dịch từ ngành nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ thường được coi là một dấu hiệu của sự phát triển kinh tế.

+) **Thu nhập bình quân đầu người:** Chỉ số này cho biết mức sống của người dân địa phương. Thu nhập bình quân đầu người cao thường cho thấy sự phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống tốt.

+) **Tỷ lệ thất nghiệp:** Tỷ lệ thất nghiệp thấp cho thấy nền kinh tế đang tạo ra đủ cơ hội việc làm cho người dân. Một tỷ lệ thất nghiệp cao có thể chỉ ra những vấn đề trong sự phát triển kinh tế.

.....

Câu 4. Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.

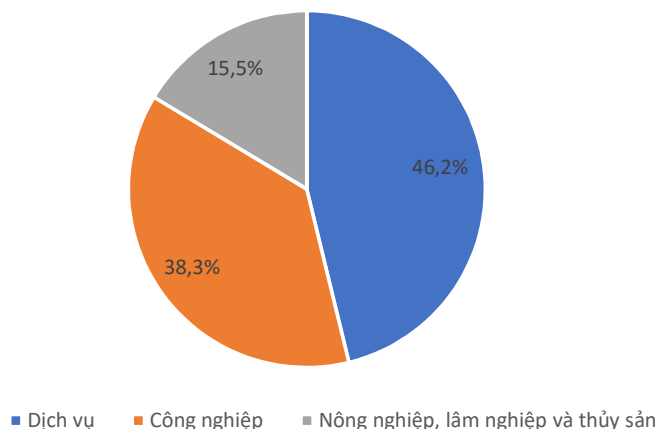
Lấy ví dụ như sau:

Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH CỦA VIỆT NĂM NĂM 2019

Ngành	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
Tỉ trọng	15,5	38,3	46,2

Biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành của Việt Nam năm 2019



- Nhận xét: Dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất (46,2%), tiếp đến là công nghiệp và xây dựng (38,3%) và nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhất (15,5%) → Phù hợp với sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Giải thích: Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa → Ngành dịch vụ, công nghiệp ngày càng khẳng định vị thế, tạo ra giá trị lớn và đóng góp nhiều vào GDP, sự phát triển của đất nước.

10D4 (2024-2027)